

Số: 1271 /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến; Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND.HC ngày 03/3/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1688/TTr-SNV ngày 07 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 833/QĐ-UBND.HC ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội Tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND Tỉnh;
- Lưu: VT, THVX. VD

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương

QUY ĐỊNH**Xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*(Ban hành theo Quyết định số:1271 /QĐ-UBND-HC ngày 18 tháng 8 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Quy định này hướng dẫn một số nội dung về điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục xét, công nhận sáng kiến làm cơ sở cho việc công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, nhóm tác giả là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sáng kiến: là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu, được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

2. Tác giả sáng kiến: Là người tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình; đồng tác giả sáng kiến là các tác giả (nhóm tác giả) cùng nhau tạo ra sáng kiến chung. Người chỉ đầu tư, hỗ trợ về vật chất, kỹ thuật trong quá trình tạo ra sáng kiến không được coi là tác giả sáng kiến.

3. Phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

a) Phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở: Là sáng kiến được áp dụng có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương nơi công tác.

b) Phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh: Là sáng kiến đã được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở, sau đó được áp dụng có hiệu quả vượt ra ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương nơi công tác.

Đối với ngành giáo dục và đào tạo thì phạm vi ảnh hưởng của Sáng kiến phải vượt ra khỏi đơn vị (trường học), sau đó được áp dụng có hiệu quả tại đơn vị khác (trường học khác).

c) Phạm vi ảnh hưởng cấp toàn quốc: Là sáng kiến đã được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh, sau đó được áp dụng có hiệu quả vượt ra ngoài tỉnh.

Điều 3. Đối tượng được công nhận sáng kiến

Đối tượng được công nhận sáng kiến gồm: Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật được quy định tại Điều 3, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến và đáp ứng các tiêu chí nêu tại Điều 4 của Quy định này. Cụ thể như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (như: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện...); chất (như: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...); vật liệu sinh học (như: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen...); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi.

b) Quy trình (như: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (như: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu...);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (như: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu...);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật...

4. Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Chương II

TIÊU CHUẨN, THANG ĐIỂM, PHÂN LOẠI; THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 4. Tiêu chí đánh giá sáng kiến cấp tỉnh

1. Được quyết định công nhận Sáng kiến cấp cơ sở và có tổng số điểm từ 65 đến 100 điểm sẽ được xem xét, công nhận Sáng kiến cấp tỉnh.

Thang điểm cụ thể:

TIÊU CHUẨN	ĐIỂM
1. Có tính mới	30
- Hoàn toàn mới, được áp dụng lần đầu tiên	21-30
- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	16-20
- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	6-15
- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ ít	1-5
2. Có khả năng áp dụng	30
- Có khả năng áp dụng trong toàn ngành (lĩnh vực), toàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh	20-30
- Có khả năng áp dụng ít trong toàn ngành (lĩnh vực), toàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh	10-19
- Không có khả năng áp dụng trong toàn ngành (lĩnh vực), toàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh	5-9
3. Có tính hiệu quả	40
- Có hiệu quả trong toàn tỉnh hoặc ngoài tỉnh	25-40
- Có hiệu quả trong toàn ngành (lĩnh vực)	10-24
- Có hiệu quả trong cơ quan, đơn vị, địa phương (dưới cấp tỉnh)	5-9
Tổng cộng:	100

Tùy điều kiện cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, từng ngành, lĩnh vực mà quy định tiêu chuẩn, thang điểm đối với sáng kiến cơ sở cho phù hợp nhưng phải đảm bảo theo quy định này và các quy định của pháp luật.

2. Các Sáng kiến sau đây không được công nhận là sáng kiến

a) Sáng kiến có tổng số điểm từ 0 đến dưới 65 điểm.

b) Sáng kiến mà việc công bố, áp dụng trái với pháp luật hiện hành, trái với các quy định của tỉnh hoặc đạo đức xã hội.

c) Sáng kiến là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến;

d) Sáng kiến là đối tượng đang có tranh chấp giữa các tác giả.

đ) Sáng kiến mang tính lý thuyết, lý luận chung, không đánh giá được hiệu quả cụ thể trong thực tế.

e) Sáng kiến được xác định là sao chép của tác giả, nhóm tác giả khác.

3. Khi Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh đã biểu quyết thông qua việc xếp loại sáng kiến thì đó là kết quả cuối cùng, không điều chỉnh (*không chấm phúc khảo*).

Điều 5. Các trường hợp được ưu tiên xem xét, công nhận sáng kiến

Các trường hợp được ưu tiên công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng kiến là đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ) cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương được nghiệm thu, đánh giá mức/xếp loại **đạt** trở lên.

a) Đối tượng được công nhận có nhiệm vụ khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét Sáng kiến là: Chủ nhiệm đề tài (gồm cả đề tài nhánh), người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài thì phải có mức độ đóng góp vào đề tài từ 30% trở lên.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc sở, ban, ngành tỉnh,... đối tượng được công nhận có đề tài để làm căn cứ xét Sáng kiến là: Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ (hoặc tác giả) và người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì phải có mức độ đóng góp vào đề tài từ 50% trở lên.

2. Cá nhân là tác giả của những đề tài, bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế được cơ quan và tổ chức có thẩm quyền đánh giá cao trong thực tiễn.

3. Giải pháp, dự án (Sáng kiến) đạt giải trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật: Đối với cấp tỉnh đạt từ giải Ba trở lên (hoặc giải C trở lên); cấp toàn quốc đạt từ giải Khuyến khích trở lên.

4. Giải pháp, dự án (Sáng kiến) đạt giải trong Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng: Đối với cấp tỉnh đạt giải Nhất; cấp toàn quốc đạt từ giải Ba trở lên.

5. Giải pháp, dự án (Sáng kiến) đạt giải Nhất trong các cuộc thi chuyên môn trong toàn tỉnh.

6. Sáng kiến là đề tài bảo vệ luận án Tiến sĩ được triển khai nghiên cứu, thực hiện tại tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá ở mức **đạt** trở lên.

7. Đạt bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động.

8. Đạt bằng Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

9. Có ít nhất một đề tài sáng kiến được ứng dụng vào thực tế và có giá trị làm lợi có thể định lượng giá trị bằng tiền, như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở xuống, không giữ chức vụ lãnh đạo, có ít nhất một giải pháp với tổng giá trị làm lợi từ 80 triệu đồng trở lên hoặc ba năm liên tục có giải pháp, sáng kiến với tổng giá trị làm lợi từ 120 triệu đồng trở lên.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, có ít nhất một giải pháp với tổng giá trị làm lợi từ 150 triệu đồng trở lên.

c) Đối với cán bộ lãnh đạo quản lý (Trưởng, phó cấp cơ sở trở lên) có ít nhất một giải pháp với tổng giá trị làm lợi từ 200 triệu đồng trở lên hoặc có giải pháp cải tiến quản lý về tổ chức sản xuất áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao được cấp tỉnh, bộ, ngành trung ương công nhận.

9. Các trường hợp được ưu tiên công nhận sáng kiến không phải thông qua họp Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (Thường trực Hội đồng báo cáo các trường hợp ưu tiên trong kỳ họp Hội đồng). Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trường hợp được ưu tiên công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải xác nhận, lập danh sách gửi về thường trực Hội đồng sáng kiến để tổng hợp, trình Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

10. Các trường hợp được ưu tiên công nhận sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định nhưng không được trái với Quy định này, các quy định của bộ, ban, ngành trung ương (nếu có) và các quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; Giám đốc các doanh nghiệp nơi đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng (hoặc tương đương).

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND Tỉnh.

Chương III

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÙ LAO, KINH PHÍ; THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 7. Thành lập Hội đồng Xét duyệt sáng kiến

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh: không quá 13 thành viên, do Chủ tịch UBND Tỉnh/Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Ủy viên và Thư ký hội đồng (có Quyết định riêng).

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh.

2. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở (ngành tỉnh hoặc tương đương): không quá 10 thành viên, do Thủ trưởng các ngành tỉnh hoặc tương đương làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Ủy viên và Thư ký hội đồng.

Văn phòng (hoặc Bộ phận tương đương) là cơ quan thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến

3. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở (cấp huyện): không quá 13 thành viên, do Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Ủy viên và Thư ký hội đồng.

Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến.

4. Tổ giúp việc: gồm đại diện một số lãnh đạo phòng, ban chuyên môn cấp tỉnh, cấp cơ sở để làm tham mưu cho Hội đồng. Thành phần, số lượng thành viên của Tổ Giúp việc do Chủ tịch Hội đồng quyết định lựa chọn (một số cơ quan, đơn vị có quy mô nhỏ, sáng kiến ít thì không cần thiết có Tổ Giúp việc).

Điều 8. Nhiệm vụ của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá, chấm điểm khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện được quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này.

2. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, Doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập hợp, xem xét, kiểm tra và thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

3. Tổ chức xét duyệt, hoàn tất thủ tục hợp xét sáng kiến.

4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

5. Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ban hành.

Điều 9. Nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh

Cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh giúp Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

2. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm định sơ bộ hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, thông tin áp dụng sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

3. Sao hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi các thành viên Hội đồng nghiên cứu cho ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi họp Hội đồng.

4. Mời một số thành viên chuyên ngành là nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia,... có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng sáng kiến tỉnh nếu thấy cần thiết để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng Xét duyệt sáng kiến trên các lĩnh vực.

5. Chuẩn bị đầy đủ nội dung, chương trình cuộc họp, tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh quyết định chương trình, nội dung, thời gian, địa điểm và thông báo cho các thành viên Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh biết về chương trình, nội dung các kỳ họp.

6. Tổng hợp các sáng kiến đủ điều kiện được Hội đồng họp xét thông qua, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ra quyết định công nhận.

7. Sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh có trách nhiệm thông báo kết quả từng phiên họp của Hội đồng.

8. Nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở: tuyền vào điều kiện thực tế, Chủ tịch Hội đồng phân công nhiệm vụ cụ thể.

Điều 10. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng

a) Chỉ đạo chung hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; chủ trì và kết luận các phiên họp của Hội đồng; báo cáo UBND tỉnh hoạt động của Hội đồng theo quy định;

b) Quyết định việc mời thêm chuyên gia tư vấn hoặc cán bộ chuyên môn giúp Hội đồng xem xét đánh giá sáng kiến;

c) Ký ban hành các văn bản của Hội đồng;

2. Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về những nhiệm vụ được phân công;

b) Đề xuất chủ trương, kế hoạch hoạt động của Hội đồng; giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng; đôn đốc và kiểm tra việc chuẩn bị các kỳ họp, chuẩn bị hồ sơ xem xét tại các phiên họp của Hội đồng; giúp Chủ tịch Hội đồng chủ trì và kết luận các cuộc họp khi Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

c) Ký ban hành các văn bản theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng;

d) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng công nhận Sáng kiến;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về những nhiệm vụ được phân công;

b) Chủ trì, phối hợp các thành viên Hội đồng; các ngành, các lĩnh vực tham mưu UBND Tỉnh xây dựng quy định tiêu chuẩn, định mức công nhận sáng kiến;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

4. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng

a) Tham gia xây dựng tiêu chuẩn, định mức công nhận sáng kiến;

b) Thẩm định đánh giá khách quan, chính xác các sáng kiến;

c) Phản biện các nội dung của sáng kiến còn chưa rõ;

d) Đề xuất chuyên gia tư vấn (nếu cần thiết);

đ) Tham gia các kỳ họp và các hoạt động của Hội đồng; trong các kỳ họp hoặc các đợt công tác, nếu thành viên vắng mặt, thì cơ quan có cán bộ là thành viên phải cử người khác có đủ điều kiện tham gia vào hoạt động của Hội đồng.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 11. Nhiệm vụ của Tổ Giúp việc

Tổng hợp, phân loại, tham mưu, đề xuất giúp việc cho Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến Tỉnh.

Điều 12. Chế độ làm việc

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh họp định kỳ mỗi năm 02 lần hoặc họp đột xuất do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt vắng mặt phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan Thường trực Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có trên 70% số thành viên có mặt mới được coi là họp lệ.

- Kỳ họp thứ nhất: Đề xét, chấm sáng kiến cấp tỉnh lĩnh vực Kinh tế - Xã hội.

- Kỳ họp thứ hai: Đề xét, chấm sáng kiến cấp tỉnh lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, vẫn xét, chấm sáng kiến cấp tỉnh lĩnh vực Kinh tế - Xã hội nếu có cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị.

2. Chế độ làm việc của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở do Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Giám đốc các doanh nghiệp cấp Tỉnh (hoặc tương đương) quy định.

3. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc bỏ phiếu theo đa số. Trường hợp kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín ngang nhau thì ý kiến quyết định của Hội đồng sẽ do người chủ trì phiên họp quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng làm việc độc lập trong quá trình chấm điểm; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng về ý kiến, kiến nghị và đề xuất của mình.

Điều 13. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến

Kinh phí hoạt động của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh được chi từ nguồn kinh phí trích 20% Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp đó.

Điều 14. Chế độ thù lao

Các thành viên Hội đồng, thành viên Tổ Giúp việc của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp Tỉnh, cấp cơ sở: được hưởng thù lao bằng tiền, mức chi theo quy định hiện hành.

Điều 15. Hồ sơ và thời gian đề nghị công nhận sáng kiến cấp Tỉnh

1. Thành phần hồ sơ (01 bản), gồm:

- a) Tờ trình đề nghị công nhận sáng kiến.
- b) Biên bản họp Hội đồng Xét duyệt sáng kiến.
- c) Báo cáo tóm tắt sáng kiến (theo mẫu).
- d) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở và các văn bản chứng minh kèm theo.

Các trường hợp được ưu tiên xét công nhận sáng kiến phải có hồ sơ chứng minh kèm theo và chỉ mới đạt một tiêu chuẩn xét. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng vẫn phải bỏ phiếu kín để xác định có đủ tiêu chuẩn để tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua hay không.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, sẽ không được làm tiêu chuẩn để đề nghị các hình thức khen thưởng và ngược lại.

2. Thời gian nộp hồ sơ

a) Sáng kiến cấp tỉnh lĩnh vực Kinh tế - Xã hội: Nộp trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

b) Sáng kiến cấp Tỉnh lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Nộp trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

Điều 16. Trình tự xét sáng kiến cấp cơ sở và cấp Tỉnh

1. Bước 1: Cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở, cấp Tỉnh tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh.

2. Bước 2: Cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến gửi hồ sơ chấm sáng kiến cho Tổ Giúp việc chấm điểm trước.

3. Bước 3: Cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tổng hợp kết quả chấm điểm của Tổ Giúp việc trình Thường trực Hội đồng trước khi đưa ra các thành viên Hội đồng chấm điểm lần cuối.

4. Bước 4: Cơ quan Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến gửi hồ sơ chấm điểm sáng kiến cho các thành viên Hội đồng chấm điểm.

5. Bước 5: Họp xét sáng kiến.

a) Thường trực Hội đồng Xét duyệt sáng kiến trình bày những sáng kiến còn có nhiều ý kiến khác nhau trong Hội đồng.

b) Các thành viên Hội đồng Xét duyệt sáng kiến nhận xét, đánh giá.

c) Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá chung của các thành viên Hội đồng Xét duyệt sáng kiến.

d) Thư ký lập biên bản tổng hợp kết quả chấm điểm và trình Chủ tịch Hội đồng ký quyết định công nhận sáng kiến.

đ) Trường hợp không hợp được Hội đồng, thì xin ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản, Thường trực Hội đồng tổng hợp báo cáo lại thành viên Hội đồng kết quả chấm điểm.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Giao Sở Nội vụ (Thường trực Hội đồng) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ quy định này và quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn viết sáng kiến trong ngành giáo dục và đào tạo trong Tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc, các ý kiến phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương